

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 14/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐST – DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Điều L, sinh năm 1957; địa chỉ: Bon B, xã Qu, T, Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Ông Đào Minh T và bà Lê Thị Mỹ Á; địa chỉ: Bon B, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Thị M; địa chỉ: Bon B, xã Qu, T, Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị M: Ông Điều L, sinh năm 1957; địa chỉ: Bon B, xã Qu, T, Đắk Nông (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Điều L trình bày: Gia đình ông Điều L và ông Đào Minh T là hàng xóm, sống gần nhà nhau. Quá trình sinh sống tại địa phương, ông Điều L biết được ông T là bác sỹ, mở phòng khám tư tại xã Qu. Khoảng đầu năm 2018, ông T nhiều lần đến nhà ông Điều L đề nghị vay số tiền 200.000.000 đồng để mua máy siêu âm, nhưng

ông Điều L không cho mượn. Quá trình trao đổi, ông Điều L nói với ông T: “*đang có nhu cầu vay vốn khoảng 500.000.000 đồng – 600.000.000 đồng nhưng không có quen biết ai nên sợ không vay được*”; thì ông T đề nghị: “*sẽ nhờ người quen ở Ngân hàng B chi nhánh Đắk R làm thủ tục vay tiền cho ông Điều L, đồng thời ông Điều L vay giúp cho ông T số tiền 200.000.000 đồng*”, tức là: ông Điều L sẽ đứng ra làm thủ tục vay ngân hàng, lấy tiền xong sẽ cho ông T vay 200.000.000 đồng; thì ông Điều L đồng ý với đề nghị của ông T.

Ngày 15/3/2018, ông Điều L cùng vợ là bà Thị M, ông Đào Minh T đến phòng Giao dịch của Ngân hàng B tại K, Đắk R làm thủ tục vay vốn thì vay được số tiền 900.000.000 đồng, với lãi suất 12,5%/năm, thời hạn vay 04 năm. Lúc này, ông T đề nghị ông Điều L cho vay thêm 100.000.000 đồng nữa.

Ngày 16/3/2018, ông T và bà A đến nhà ông Điều L thỏa thuận vay số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất 12,5%/năm như lãi suất đã vay của Ngân hàng B, trả lãi theo phương thức 03 tháng 1 lần, mỗi lần 9.375.000 đồng; thời hạn trả số tiền gốc 300.000.000 đồng là 02 năm (16/3/2020), hai bên có lập giấy mượn tiền do ông T viết, có chữ ký của ông T, bà A.

Đến hạn trả lãi, không thấy ông T, bà A trả, ông Điều L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà A trốn tránh, không chịu trả nợ. Ngày 25/10/2019, ông Điều L làm việc bà A, hai bên thống nhất nội dung: do hoàn cảnh khó khăn nên ông T, bà A chưa có tiền trả và đồng ý giao căn nhà tại Bon B, xã Qu cho ông Điều L quản lý, sử dụng trong thời gian chờ trả nợ; hiện nay gia đình ông Điều L vẫn đang sử dụng ngôi nhà trên.

Đến hạn trả gốc, ngày 16/3/2020, vẫn không thấy ông T, bà A trả nợ gốc và lãi nên ông Điều L khởi kiện yêu cầu ông T, bà A phải trả cho ông Điều L và bà Thị M số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ 3/2018 – 3/2020 (24 tháng) với lãi suất 12,5%/năm (theo lãi suất cho vay của Ngân hàng): $24 \text{ tháng} \times (300.000.000 \text{ đồng} \times 12,5\%) / 12 = 75.000.000 \text{ đồng}$; phải trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc từ tháng 17/3/2020 - 29/9/2020 với lãi xuất theo quy định của pháp luật (150% lãi suất vay theo hợp đồng): $6 \text{ tháng} \times ((150\% \times 12,5\%) \times 300.000.000 \text{ đồng}) / 12 = 30.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 405.000.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thị M: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Điều L. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Điều L thì bà hoàn toàn đồng ý, bà yêu cầu ông T, bà A phải trả cho ông Điều L và bà số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đào Minh T và bà Lê Thị Mỹ Á nhưng ông T, bà A vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Điều L vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện đã nộp cho Tòa án và bổ sung yêu cầu: đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, giao căn nhà và diện tích đất (mà bà A đã giao cho ông quản lý), tọa lạc tại Bon B, xã Qu, huyện T để ông xử lý khoản nợ mà ông T, bà A còn thiếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ngày 16/3/2018, ông Điều L và ông T, bà A có giao dịch vay mượn số tiền 300.000.000 đồng; lãi suất 12.5%/năm; phương thức trả lãi 03 tháng/lần; thời hạn trả gốc 02 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà A đã vi phạm nghĩa vụ, không trả tiền lãi và gốc như thỏa thuận; bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho bên cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều L, buộc ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ Á phải trả tổng số tiền 405.000.000 đồng cho ông Điều L, bà Thị M, bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 12.5\%/năm) \times 02 \text{ năm} = 75.000.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 17/3/2020 đến ngày 29/9/2020; $300.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 12.5\%/năm) \times 06 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu bổ sung của ông Điều L, yêu cầu Tòa án giao căn nhà và diện tích đất (mà bà A đã giao cho ông), tọa lạc tại Bon B, xã Qu, huyện T là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Ông T, bà A phải 20.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Điều L 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001180 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, ông Điều L yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ A phải trả số tiền 300.000.000 đồng đã vay và tiền lãi mà ông T, bà A phải trả, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Bu Dă, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông nên theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân huyện T, tỉnh Đắk Nông thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông T, bà A không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt và bị đơn.

Đối với yêu cầu bổ sung tại phiên tòa của ông Điều L, yêu cầu Tòa án giao căn nhà và diện tích đất (mà bà A đã giao cho ông Điều L quản lý), tọa lạc tại Bon B, xã Qu, huyện T là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, ông Điều L có quyền khởi kiện yêu cầu trên tại vụ án dân sự khác.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 16/3/2018, ông Điều L cho ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ A có vay số tiền 300.000.000 đồng; hai bên có lập giấy mượn tiền; ông T, bà A đã nhận 300.000.000 đồng; lãi suất 12.5%/năm; thời hạn trả nợ gốc 02 năm; phương thức trả lãi 03 tháng/lần. Xét thấy, giao dịch vay mượn giữa ông T, bà A và ông Điều L là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện giao dịch, ông T, bà A không trả tiền lãi và gốc như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều L, bà Thị M, buộc ông T, bà A phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả: tiền lãi trong hạn, tiền lãi trên tiền nợ gốc quá hạn: Theo giấy mượn tiền ngày 16/3/2018 và lời khai của ông Điều L thể lãi trong hạn là 12,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tính đến ngày 29/9/2020, ông T, bà A còn phải trả:

- Tiền gốc 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn từ 3/2018 – 3/2020 (24 tháng) với lãi suất 12,5%/năm (theo lãi suất cho vay của Ngân hàng): $24 \text{ tháng} \times (300.000.000 \text{ đồng} \times 12,5\%)/12 = 75.000.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc từ tháng 17/3/2020-29/9/2020 với lãi xuất theo quy định của pháp luật (150% lãi suất vay theo hợp đồng): $6 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times ((150\%(12,5\%) \times 300.000.000 \text{ đồng})/12 = 30.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng 405.000.000 đồng.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều L được chấp nhận nên ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.200.000 đồng. Trả lại cho ông Điều L 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001180 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều L đối với ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ Á.

Buộc ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ Á phải trả cho ông Điều L và bà Thị M số tiền 405.000.000 đồng; bao gồm: 300.000.000 đồng tiền nợ gốc; tiền lãi trong hạn 75.000.000 đồng; lãi quá hạn 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Minh T, bà Lê Thị Mỹ Á phải nộp 20.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Điều L 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001180 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung